

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST

Ngày 16/9/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải và ông Vi Tuấn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hùng Vỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2021/TLHS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Triệu Văn T**; (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 07/11/1990 tại Đại Từ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TV, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Trần Văn T1; Con bà: Triệu Thị T2; chưa có vợ, con; tiền sự: Không; Tiền án 2: Tại bản án số 461/HSST ngày 20/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 3 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 4 năm 6 tháng về tội “giao cấu với trẻ em”. Tại bản án số 128/HSST ngày 28/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, tổng hợp với hình phạt của bản án số 461/HSST ngày 20/12/2011, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 2 bản án là 60 tháng tù. Ra trại ngày 14/1/2020; Nhân thân: ngày 11/01/2016, bị Công an thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo (do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nƯ tỉnh Thái Nguyên cử):* Bà Thiệu Thị Thanh H, là Luật sư văn phòng luật sư Hà Thái thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

2. Bị cáo **Nguyễn Thanh T3**; (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 30/5/1982 tại Đại Từ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TV, xã

QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Nguyễn Hồng T4 (đã chết); Con bà: Triệu Thị L; có vợ là Nguyễn Thị H1; có 2 con chung; tiền sự: Không; Tiền án 1: Tại bản án số 51/HSST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “đánh bạc”; Nhân thân: Tại bản án số 08/HSST ngày 28/3/2006 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án số 66/HSST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “đánh bạc”; Ngày 28/12/2016, bị công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại (có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo (do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nU tỉnh Thái Nguyên cử):* Bà Thiệu Thị Thanh H, là Luật sư văn phòng luật sư Hà Thái thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

3. Bị cáo **Phan Quang P**; (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 28/01/1988 tại Đại Từ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TV, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Phan Quang H2; Con bà: Trần Thị H3; có vợ là Hoàng Thị T5; có 2 con chung; tiền sự: Không; Tiền án 1: Tại bản án số 17/HSST ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng về tội “đánh bạc”; Nhân thân: Tại bản án số 66/HSST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “đánh bạc”; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại (có mặt).

4. Bị cáo **Đặng Văn T6**; (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 25/12/1988 tại Đại Từ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TY, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Đặng Văn N; Con bà: Nguyễn Thị H4; có vợ là Nguyễn Thị H5; có 2 con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/3/2014, bị công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/3/2021 đến ngày 31/3/2021, hiện tại ngoại (có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo (do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử):* Ông Vũ Văn C là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

5. Bị cáo **Triệu Tiến H1**; (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 28/01/1978 tại Đại Từ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TV, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Triệu Phú T5; Con bà: Dương Thị V; có vợ là Dương Thị Thu T6 (đã ly hôn); có 1 con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 7/4/2017, bị công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại (có mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo (do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử):* Ông Lê Quang N1 là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư An Toàn, Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

6. Bị cáo **Nguyễn Đình U**; (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 7/5/1990 tại Đại Từ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm TV, xã QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Nguyễn Đình G; Con bà: Nguyễn Thị D; có vợ là Lê Thu T5; có 1 con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 66/HSST ngày 24/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “đánh bạc”; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/3/2021 đến ngày 31/3/2021, hiện tại ngoại (có mặt).

7. Bị cáo **Nguyễn Văn H6**; (tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 13/12/1984 tại Phở Yên, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: Xóm TA 1, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Nguyễn Hữu H7; Con bà: Nguyễn Thị T7; có vợ là Hoàng Thị Kim A; có 3 con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/3/2021 đến ngày 31/3/2021, hiện tại ngoại (có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Triệu Phú C1, sinh năm 1989; Trú tại: XC, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

** Những người làm chứng:*

1. Chị Hoàng Thị Kim A, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ dân phố 7, xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

2. Ông Ngô Quang H8, sinh năm 1970; Trú tại: Xóm TA 1, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22/3/2021 Triệu Văn T, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Đình U, Triệu Tiến H1, Phan Quang P, Đặng Văn T6, Triệu Phú C1 đến nhà Nguyễn Văn H6 thuộc tổ dân phố 07, xã QC, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên rồi rủ nhau đi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Để thực hiện hành vi phạm tội, khi ở tại nhà H6, Đặng Văn T6 đã dùng dao, thanh tre và bút dạ có sẵn để làm 04 quân bài bằng tre có 01 mặt tô màu xanh-đen (gọi là quân vị), Triệu Văn T lấy 01 bát, 01 đĩa trong bếp nhà H6 đưa cho U cầm. Chuẩn bị xong quân vị T, T3, H1, P, T6, C1 cùng nhau đi bộ ra bãi đất trống cách nhà H6 khoảng 800m, thuộc xóm TA 1, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên để đánh bạc. Trước khi đánh bạc các đối tượng quy ước bên tay phải người cầm cái là bên chẵn, bên tay trái người cầm cái là bên lẻ, khi đánh bạc người cầm cái cho 04 quân vị vào trong lòng đĩa, úp bát lên, dùng 02 tay giữ bát và đĩa xóc đi, xóc lại nhiều lần các quân vị ở bên trong rồi đặt bát, đĩa xuống mặt bạc nhưng chưa mở bát, lúc này người tham gia đánh bạc đặt tiền xuống mặt bạc vào bên chẵn hoặc bên lẻ với mức đặt thấp nhất là 50.000 đồng/1 ván/1 người, cao nhất không giới hạn, tỷ lệ cược thắng, thua là 1:1, sau khi người tham gia đánh bạc đặt cược xong thì người cầm cái sẽ mở bát, căn cứ vào quân vị để phân định thắng, thua, mặt được tô màu của quân vị gọi là mặt đen, mặt không tô màu là mặt trắng; nếu quân vị là 02 mặt đen, 02 mặt trắng hoặc 04 mặt đen, 04 mặt trắng thì người đặt cược bên chẵn thắng, bên lẻ thua; nếu quân vị là 03 mặt trắng, 01 mặt đen hoặc 03 mặt đen, 01 mặt trắng thì người đặt cược bên lẻ thắng, bên chẵn thua. Khi trả tiền, nếu người cầm cái mở bát trực tiếp dùng tiền của mình đánh bạc với mọi người thì sẽ được thu tiền của bên thua trả cho bên thắng; nếu người cầm cái không dùng tiền của mình để đánh ván bạc đó thì sẽ hô “có ai mua, bán không”, lúc này sẽ có người hô “bán chẵn” hoặc “bán lẻ” và có người hô “mua chẵn” hoặc “mua lẻ”, sau đó người cầm cái mở bát, nếu kết quả về chẵn thì người hô “bán chẵn” hoặc “mua lẻ” thắng, được thu T8 bộ số tiền đặt cược bên lẻ, người hô “mua chẵn” hoặc “bán lẻ” thua, phải trả tiền thắng bạc cho những người đặt cược bên chẵn bằng đúng số tiền mà họ đã đặt cược, nếu kết quả về lẻ thì người hô “bán lẻ” hoặc “mua chẵn” thắng, được thu T8 bộ số tiền đặt cược bên chẵn, người hô “mua lẻ” hoặc “bán chẵn” thua, phải trả tiền thắng bạc cho những người đặt cược bên lẻ. Nếu không có người mua, bán thì sẽ có người hô “cân”, sau đó người cầm cái mở bát, nếu số tiền đặt cược hai bên chẵn, lẻ bằng nhau thì người hô “cân” không được, cũng không thua tiền, còn

bên thắng bạc sẽ thu tiền của bên thua bạc; nếu số tiền đặt cược hai bên chẵn, lẻ chênh lệch thì người hô “cân” sẽ được hưởng hoặc phải trả tiền chênh lệch, sau khi đã thu tiền của bên thua, trả tiền cho bên thắng; nếu người cầm cái không muốn dùng tiền của mình đánh bạc, cũng không có người mua, bán, người cân thì người đánh bạc thu lại tiền đặt cược của mình, mỗi lần mở bát được tính là một ván bạc.

Quá trình đánh bạc, các đối tượng ngồi sát nhau thành hình tròn theo vị trí từ trái qua phải, lần lượt là T, P, H1, T6, U, T3 và sử dụng nền đất làm mặt bạc, đèn Flash điện thoại làm đèn chiếu sáng, riêng Triệu Phú C1 do không mang theo tiền nên chỉ ngồi xem đánh bạc. Các đối tượng T, T6, U, P, T3, H1 đánh được khoảng 05 phút thì H6 đến ngồi giữa T, T3 rồi cùng tham gia đánh bạc. Lúc đầu T là người cầm cái xóc được khoảng 08 ván thì thua hết tiền nên chuyển lại cho T6 cầm cái, xóc đĩa, khi T6 xóc đĩa T6 có nhờ C1 cầm điện thoại của T6 để chiếu sáng cho mọi người đánh bạc, đến 21 giờ 10 phút cùng ngày thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên bắt quả tang, giữ được 03 đối tượng: Triệu Văn T, Nguyễn Văn H6, Triệu Phú C1; thu giữ tại chiếu bạc số tiền 8.650.000 đồng và một số vật chứng có liên quan.

Quá trình điều tra ngày 23/3/2021, Đặng Văn T6 và Nguyễn Đình U đến Cơ quan điều tra đầu thú, U đã giao nộp 200.000 đồng theo U khai dùng để đánh bạc. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Thanh T3, Triệu Tiến H1 và Phan Quang P để lấy lời khai, P giao nộp 400.000 đồng theo P khai dùng để đánh bạc; tại thời điểm bắt giữ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 500.000đ thu giữ trên người H6; H6 khai không dùng để đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 61/CT- VKS- P2 ngày 30/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Triệu Văn T về tội “đánh bạc” theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H6, Đặng Văn T6, Nguyễn Đình U, Nguyễn Thanh T3, Triệu Tiến H1 và Phan Quang P về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 bộ luật hình sự.

Trong lời luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã kết luận, giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị tuyên bố: các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn H6, Đặng Văn T6, Nguyễn Đình U, Nguyễn Thanh T3, Triệu Tiến H1 và Phan Quang P phạm tội “đánh bạc”;

- Áp dụng điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Triệu Văn T từ 36 đến 42 tháng tù; phạt bổ sung bị cáo từ 15 đến 20 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P): xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T3 từ 15 đến 18 tháng tù; phạt bị cáo Phan Quang P từ 10 đến 15 tháng tù; phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 12 đến 15 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đình U từ 9 đến 12 tháng tù; phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Triệu Tiến H1 từ 7 đến 9 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T6): xử phạt bị cáo Đặng Văn T6 từ 7 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng; phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 từ 6 đến 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng; phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 12 triệu đồng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 9.250.000đ và 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thu của bị cáo T6; Trả cho Triệu Phú C1 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; Tạm giữ của bị cáo H6 gồm: 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus và 500.000đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo; Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; buộc các bị cáo H6, U và P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo T, T3, T6, H1 theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T và bị cáo T3 nhất trí với tội danh mà cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, hai bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. 2 bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là rất nhỏ so với các vụ án khác. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T 36 tháng tù; phạt bị cáo T3 15 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H1 nhất trí với tội danh mà cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa có kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và có bố đẽ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt; Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T6 nhất trí với tội danh mà cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo; Sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án 7 tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo; đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Thanh T3, Đặng Văn T6 và Triệu Tiến H1 không tranh luận bổ sung, nhất trí với lời bào chữa của những người bào chữa. Các bị cáo khác cũng không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng đều vắng mặt nhưng đã có đủ lời khai tại cơ quan điều tra. Xét lời khai của họ là khách quan, không ảnh hưởng đến việc xét xử. Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử đã tranh luận và quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật .

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 22/3/2021, tại khu vực bãi đất trống thuộc xóm TA 1, xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên các đối tượng Triệu Văn T, Nguyễn Văn H6, Đặng Văn T6, Nguyễn Đình U, Nguyễn Thanh T3, Triệu Tiến H1 và Phan Quang P đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền, khi đang đánh bạc đến 21 giờ 10 phút cùng ngày thì bị

công an bắt quả tang, thu giữ số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc tại chiếu bạc là 8.650.000 đồng cùng số vật chứng phục vụ cho việc đánh bạc; thu của Nguyễn Đình U' và Phan Quang P số tiền 600.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 9.250.000đ.

Với hành vi trên, cáo trạng số 61/CT-VKS-P2 ngày 30/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Triệu Văn T về tội “đánh bạc” theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H6, Đặng Văn T6, Nguyễn Đình U', Nguyễn Thanh T3, Triệu Tiến H1 và Phan Quang P về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

d) Tái phạm nguy hiểm.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác... gây mất trật tự trị an xã hội, gây sự hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Hành vi của các bị cáo cần phải được xét xử nghiêm minh để đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, theo các bị cáo khai sau khi ngồi uống nước tại nhà H6 cùng rủ nhau đánh bạc nên không xác định được người cầm đầu, chủ mưu.

Đối với bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử bằng 2 bản án chưa được xóa án tích, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy khi lượng hình cần xử phạt bị cáo mức án phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo P và T3 là những người có nhân thân xấu, cả 2 bị cáo đều có 1 tiền án, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị

cáo T3 còn bị xét xử bằng 2 bản án và 1 lần bị xử phạt hành chính (đều đã được xóa nên xác định nhân thân của T3 rất xấu). Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, 2 bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo P có mẹ đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó cần buộc mỗi bị cáo phải chịu mức án phù hợp theo quy định.

Đối với các bị cáo U' và H1 là những người có nhân thân xấu, bị cáo U' đã bị xét xử bằng 1 bản án cùng loại tội (đã được xóa án tích); Bị cáo H1 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa tiền sự). 2 bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, 2 bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo U' sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú; Bị cáo H1 có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên 2 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo theo quy định.

Đối với bị cáo T6 là người đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích từ năm 2014. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa; vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Xét thấy, có căn cứ xem xét cho bị cáo hưởng án treo theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với bị cáo H6 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Xét thấy, có căn cứ xem xét cho bị cáo hưởng án treo theo lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

[5] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Đối với hình phạt chính: Qua xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, cần xử phạt mỗi bị cáo mức án phù hợp theo quy định của pháp luật.

Ngoài hình phạt chính, cần phạt bổ sung 6 bị cáo, mỗi bị cáo một khoản tiền để sung quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H1 thuộc diện hộ nghèo nên có căn cứ miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án được xử lý theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự cụ thể:

- Đối với số tiền 9.250.000đ các bị cáo dùng để đánh bạc và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung đã thu giữ của T6, theo T6 khai đã đưa cho C1 bật đèn Flash để soi cho các bị cáo đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với chiếc di động nhãn hiệu Nokia đã thu giữ của C1, theo C1 khai không sử dụng giúp các bị cáo đánh bạc nên cần trả cho C1.

- Đối với số tiền 500.000đ và 1 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của H6, theo H6 khai không sử dụng số tiền đó vào việc đánh bạc; chiếc điện thoại di động bị cáo không sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H6.

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: buộc các bị cáo H6, U và P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo T, T3, T6, H1 theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về các nội dung cơ bản là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên. Đối với đề nghị phân hình phạt của bị cáo U, Hội đồng xét xử xem xét quyết định cho đảm bảo tính công bằng trong bản án.

Xét đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo T và bị cáo T3 là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị nêu trên.

Xét đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo H1 và của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo T6. Theo như các nội dung đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án này còn có các đối tượng Triệu Phú C1 và Nguyễn Đức T8 qua điều tra xác định T8, C1 không tham gia đánh bạc. Theo C1 khai chỉ có hành vi cầm điện thoại của T6 soi sáng với mục đích để xem đánh bạc, không được bàn bạc, không được phân công và không được hưởng lợi gì nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố: các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Văn H6, Đặng Văn T6, Nguyễn Đình U, Nguyễn Thanh T3, Triệu Tiến H1 và Phan Quang P phạm tội “đánh bạc”;

1. Áp dụng điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: xử phạt Triệu Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2021. Phạt bổ sung bị cáo 15 triệu đồng sung quỹ nhà nước. Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo P):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T3 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 12 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Phan Quang P 10 (mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

3. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình U 8 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/3/2021 đến ngày 31/3/2021). Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Triệu Tiến H1 7 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

5. Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T6):

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T6 7 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H6 6 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Đặng Văn T6 cho UBND xã QC, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Giao bị cáo Nguyễn Văn H6 cho UBND xã PT, thị xã PY, tỉnh Thái

Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo T6 và H6 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 9.250.000đ và 1 chiếc điện thoại di động in nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, IMEI; 356418/11/839581/7 thu giữ của bị cáo T6.

- Trả cho Triệu Phú C1 1 chiếc điện thoại di động in nhãn hiệu Nokia model TA-1034, vỏ màu đen, IMEI 1: 358993094037789, số IMEI 2: 358993095037788.

- Tạm giữ của bị cáo H6 gồm: 1 chiếc điện thoại di động in nhãn hiệu Iphone (kiểu máy Iphone 6S Plus), vỏ màu vàng và 500.000đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H6;

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại gồm:

- + 01 (một) bát sứ màu trắng, hình tròn, miệng bát có đường kính 11cm, chôn bát có in dòng chữ “Thái Bình MADE IN VIỆT NAM”;

- + 01 (một) đĩa sứ màu trắng hình tròn, có hoa văn nhiều màu, đường kính 17,8 cm, chôn đĩa có in chữ “GSTCC DUNG NHAI”;

- + 04 (bốn) quân vị bằng tre, hình chữ nhật, kích thước 2,2cm x 1,5cm x 0,2cm, một mặt bôi đen – xanh, một mặt để nguyên.

- + 01 (một) T2 tre dài 2,05m và 03 mảnh T2 tre.

- + 01 (một) chiếc bút dạ màu xanh – trắng.

- + 01 (một) con dao phay dài 34 cm, chỗ rộng nhất 10 cm, chuôi gỗ dài 12cm.

(Số tiền và các vật chứng trên hiện đang có tại tài khoản và kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo ủy nhiệm chi số 282 ngày 30/8/2021 và biên bản về việc giao nhận vật chứng số 68 ngày 31/8/2021).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Phan Quang P, Nguyễn Đình U và Nguyễn Văn H6, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Triệu Văn T, Nguyễn Thanh T3, Đặng Văn T6 và Triệu Tiến H1 theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, Hà Nội;
- VKSND cấp cao, Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THAHS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Khánh Hồng